

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 11-01-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm

Bà Trần Ngọc Diệu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Tìong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 520, ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Anh T, sinh năm 1996. Địa chỉ: số 92, ấp A1, xã A2, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1959;

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa chị Thư có mặt; ông T và bà T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Anh Thư trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2017, ông D có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 với hình thức bán gói đầu tức là sau mỗi đợt bán heo là từ khoảng 05-06 tháng sẽ trả tiền thức ăn. Mỗi lần giao thức ăn, ông D có ghi sổ, ông T, bà T1 có ký xác nhận vào. Sau mỗi đợt bán heo ông T và bà T1 không trả đủ tiền thức ăn đã mua. Đến ngày 19/4/2017, ông T, bà T1 còn nợ 154.086.000 đồng. Cũng thời điểm đó, ông D ngưng không bán thức ăn cho ông T và bà T1. Vào ngày 09/11/2017, ông T, bà T1 đã trả số tiền 15.000.000 đồng.

Vào ngày 10/7/2018, ông T, bà T1 đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại 129.086.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, ông D yêu cầu ông T và bà T1 liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 129.086.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 11/7/2018 đến khi trả hết nợ, tạm tính đến ngày 11/7/2022 là 51.427.862 đồng. Tổng gốc và lãi là 180.427.862 đồng. Nay ông D thay đổi một phần nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày tòa án thụ lý vụ án là ngày 10/10/2022 cho đến ngày xét xử 11/01/2023 là 03 tháng 01 ngày với số tiền lãi 3.250.000 đồng, như vậy tổng gốc và lãi là 132.336.000 đồng.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ông Bùi Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và hiện còn chung sống với nhau. Ông bà có mua thức ăn chăn nuôi của ông D để chăn nuôi heo phát triển kinh tế gia đình từ năm 2013 đến năm 2017. Tuy nhiên, do chăn nuôi thua lỗ nên chưa có tiền trả nợ cho ông D. Ông đồng ý cùng bà T1 trả cho ông D số tiền mua thức ăn còn nợ là 129.086.000 đồng trong thời gian 12 tháng kể từ ngày hôm nay. Ông xin ông D không tính lãi. Vợ ông là bà T1 đang bị bệnh nên hôm nay không đến tòa được, ở nhà ông và bà T1 đã bàn bạc, bà T1 cũng thống nhất với ý kiến của ông.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bà T1, tuy nhiên bà T1 vắng mặt và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông D khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn ông T, bà T1 cư trú tại ấp Linh Qui, xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T và bà T1 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T1.

[2] Về nội dung vụ án: Ông D yêu cầu ông T, bà T1 liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 129.086.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 10/10/2022 cho ngày xét xử. Tại tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông D nộp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Sổ theo dõi ghi mỗi lần giao thức ăn, giấy nhận nợ của ông T và bà T1. Đồng thời tại Tòa, ông T cũng thừa nhận còn nợ ông D số tiền

mua thức ăn là 129.086.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Theo thỏa thuận của hai bên, bên mua có trách nhiệm trả số tiền sau khoảng 05-06 tháng mua thức ăn (tức ngày xuất chuồng heo), tính đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng bị đơn chưa thực hiện việc trả tiền cho ông D. Xét yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 10/10/2022 cho ngày xét xử là phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận. Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 11/01/2023 được tính như sau: $129.086.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 03 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 3.250.000 \text{ đồng}$. Như vậy tổng số tiền ông T, bà T1 có trách nhiệm trả cho ông D là $129.086.000 \text{ đồng} + 3.250.000 \text{ đồng} = 132.336.000 \text{ đồng}$.

Tại tòa, việc ông T xin trả dần số tiền trên trong thời hạn 12 tháng không được đại diện nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính là $132.336.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.616.800 \text{ đồng}$, ông T và bà T1 có trách nhiệm liên đới nộp. Tuy nhiên, ông T và bà T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng D. Buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Hoàng D số tiền 132.336.000 (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.616.800 (sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn tám trăm) đồng ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có

trách nhiệm nộp. Tuy nhiên do ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Lê Hoàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.512.000 đồng (bốn triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009217 ngày 06/10/2022.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan